

*A Monsieur Vissière
Professeur à l'École des Langues orientales
Hommage de l'auteur*

Henri Cordier

宮怨吟曲

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

L'ODALISQUE MÉCONTENTE

DU MÊME AUTEUR

A l'usage des Européens

plus spécialement.

(Port
en sus)

Langue annamite

CHRESTOMATHIE ANNAMITE (In-8 ^o de XXIV-312 p.)..	3, 00
MÉTHODE DE LANGUE ANNAMITE (En souscription, xxxvi-94 p. parues).....	3, 00

Langue chinoise écrite

CHRESTOMATHIE SINO-ANNAMITE (Sous presse).	
LES 214 RADICAUX CHINOIS (Tableau).....	0, 25
— — (Brochure in-32).....	0, 40
— — (Modèle d'écriture).....	0, 40
MÉTHODE D'ÉCRITURE CHINOISE EN 6 CAHIERS <i>Chacun</i> .	0, 20
APPENDICE À NOTRE DICTIONNAIRE CHINOIS-ANNA- MITE-FRANÇAIS (Modèle d'écriture).....	0, 80
INSTRUCTIONS FAMILIALES DU PROFESSEUR CHU-BÁ- LŨ (Modèle d'écriture).....	0, 20

A l'usage des indigènes

plus spécialement.

PETIT VOCABULAIRE CHINOIS-ANNAMITE-FRANÇAIS..	0, 70
APPENDICE AU PRÉCÉDENT (Modèle d'écriture)....	0, 20
NOUVELLE HISTOIRE DE KIM, VÂN, ET KIÉU.....	0, 60
MANUEL VERSIFIÉ DE MÉDECINE ANNAMITE.....	0, 40
INSTRUCTIONS FAMILIALES DE NGUYÊN-CHAI.....	0, 20
LES FAMILLES PHAN ET CHÂN.....	0, 30
L'ODALISQUE MÉCONTENTE (CUNG-OÁN).....	0, 20

(En vente à Hanoi et Haiphong chez E. SCHNEIDER Aîné ;
à Saigon chez BRUNET ; et à Paris chez CHALLAMEL).

On peut également s'adresser chez l'auteur, à Hué, en joignant à la commande sa valeur en mandat postal. En ce cas, prière de se borner à la commande pure et simple, l'auteur n'ayant pas le loisir de répondre.

Cette liste annule les précédentes.

宮怨吟曲

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

形像繪並語法大譯回五爲分

CHIA NĂM ĐOẠN, THU MỤC-LỤC DÀI TIẾNG ĐẠI-PHÁP,
MÀY VẼ HÌNH NGƯỜI.

L'ODALISQUE MÉCONTENTE

(*Poème populaire annamite*)

DIVISÉ EN 5 CHANTS ET SUIVI D'UNE TABLE ANALYTIQUE

TRADUITE EN FRANÇAIS

Orné d'une gravure

Transcrit et publié

par

EDMOND NORDEMANN

DIRECTEUR DU COLLÈGE QUỐC-HỌC, À HUẾ.

Fondateur de la Société d'Enseignement mutuel des Tonkinois.

OFFICIER D'ACADÉMIE

PRIX . . . 0 \$ 20

Frais de poste en sus.

訂重旻低吳教掌場學國

CHƯƠNG ĐẠO CHUỜNG QUỐC-HỌC
NGỒ-ĐỀ-MÁN DÀI NỘI THÊM

HUẾ. — 1905

TOUS DROITS RÉSERVÉS

Còn nhiều sách xua trong Quán Ven Đường kính
mời vào lấy về đọc.

PL4378

.5

C86

1905

TỰA

Khúc Cung-oán-ngâm này là của ông Ôn-như-hầu (1) làm da, đầu là người cuối đời nhà Lê. Ý khổ ông ấy là người thông-minh chi-thức, chức thời vua yêu-dùng, sau thời vua hay nghe người này người khác, đổi chán, bỏ ông ấy.

Ông ấy nhân sem thầy đời swa bên Tàu có nàng Cung-phi (2) có tài-đức có nhan-sắc mà cũng lỗi thời như mình, mới mượn ý ấy làm da khúc ngâm này. Nhờ tuy ai-oán, mà ý thời cao, học thời động, dùng nhiều sự-tích điển-cô, thật là hay dẻo-dắt, nên sem.

Này tự.

NGÔ-ĐỀ-MÃN



(1) Chỉ biết trước là thè, không biết tên.

(2) Cũng chỉ thầy nói chức, không nói tên.

TRADUCTION DE LA PRÉFACE PRÉCÉDENTE

Ce poème « *L'odalisque mécontente* » a pour auteur un Marquis de Ô-n-nhur (1) qui aurait vécu vers la fin de la dynastie des Lâ. Il est probable que ce dignitaire, doué d'un esprit pénétrant et lucide, d'une intelligence souple et avisée, fut d'abord pris en affection par le souverain et pourvu des plus hauts emplois. Mais le prince, assez enclin à écouter les uns et les autres, se serait lassé ensuite du marquis, qu'il aurait fini par écarter.

Evoquant dans sa disgrâce les siècles écoulés de l'antiquité chinoise, le poète courtisan découvrit qu'une jeune odalisque (2), dont les talents et les vertus étaient alliés à une beauté accomplie, avait eu un sort aussi malheureux que le sien: Il résolut de tirer parti de cette similitude de situations et y puisa le sujet de cette élégie. Bien que les paroles soient empreintes de tristesse et d'amertume, le sens en est élevé, il y est fait preuve d'une vaste érudition, les allusions aux livres anciens y abondent. En vérité, c'est un poème fort attachant, qui mérite d'être lu.

Tel est l'objet de cette préface

NORDEMANN



(1) On ne connaît de lui que ce titre, on ignore son nom.

(2) On n'en donne également que le rang, sans la nommer.

DẶN CHO BIẾT

1. — Những tiếng nào có dấu hoa thị (*) là nói bóng có sự-tích; ta dương nhất lấy chong các chuyện, đặt thành quyển tự-vị, sẽ in sau; hễ ai muốn biết thì cha ở đây.

2. — Chữ Quốc-ngữ thường viết lẫn-lộn những vản *ch* mà y *tr*, *d*, *gi*, mà y *r*, *s* mà y *x*; mà tiếng Bắc-kì, lúc nói, mỗi thứ chỉ thầy có một vản mà thôi. Cho nên chong sách này tóm lại những vản

<i>ch</i> ,	mà y <i>tr</i> ,	làm một vản	<i>ch</i> ,
<i>d</i> ,	<i>gi</i> ,	mà y <i>r</i> ,	— — — <i>d</i> ,
<i>s</i> ,	mà y <i>x</i> ,	— — —	<i>s</i> .

Như thế thì vừa hợp tiếng Bắc-kì, vừa dễ nhớ dễ cha.

TRADUCTION DE L'AVIS CI-DESSUS

1. — Tout mot pourvu d'un astérisque est pris dans un sens figuré comportant une anecdote. Nous recueillons actuellement tous les mots qui figurent au même titre dans les poèmes annamites, en vue d'en former un dictionnaire spécial que nous publierons par la suite. Ceux qui voudront connaître les circonstances auxquelles il est fait allusion n'auront qu'à le consulter.

2. — L'orthographe Quốc-ngữ écrit fréquemment l'une pour l'autre les consonnes *ch* et *tr*, *d*, *gi*, et *r*, *s* et *x*; cependant le dialecte tonkinois ne fait entendre pour chaque élément qu'une seule articulation. Nous avons donc, dans cet ouvrage, réuni les consonnes

<i>ch</i> et <i>tr</i> ,	en une seule,	<i>ch</i> ,
<i>d</i> , <i>gi</i> et <i>r</i> ,	—	<i>d</i> ,
<i>s</i> et <i>x</i> ,	—	<i>s</i> .

De cette manière il y a conformité avec la prononciation tonkinoise, et en même temps plus grande facilité pour la mémoire et pour les recherches.



AVIS AU LECTEUR FRANÇAIS

Ce livre fait partie d'une série d'ouvrages qui a pour but de vulgariser parmi les indigènes l'écriture quôc-ngũr, et peu à peu, par son intermédiaire, notre langue et nos connaissances.





CUNG-PHI (ODALISQUE)

Tho chũ dãng:

	一	愁	半	無
	片	挑	枕	端
	幽	殘	秋	月
	情	燭	虫	老
	難	憐	吟	怨
	盡	孤	夜	紅
	話	影	永	顏
河	時	懶	滿	寂
平	揮	對	窓	寞
愚	清	菱	涼	空
溪	淚	花	月	閨
後	撲	理	鎖	寶
生	珠	佩	春	篆
撰	欄	環	寒	殘

Tho nôm dãng:

Ông nguyệt ghen chi khách má hồng,
Chiện tàn vãng-vê chôn buống không;
Đêm kêu nửa gôi chùng eo-óc,
Suân khoá dầy song nguyệt lạnh-lùng;
Buồn gọi dèn tàn chơ bóng-dáng.
Nhác soi hương sáng sửa bông-vòng;
Mảnh tinh u-ẩn khòn bẩy tổ,
Vẩy khắp cầu-lan dọt lệ chong.

CUNG OÁN NGÂM KHÚC

- I -

Chải bích-quê dó vàng hiu-hắt,
Mảnh vũ-y lạnh ngắt như đồng!
Oán chi những khách tiêu-phong*,
Mà sui phận bạc nằm chong má đào?
Duyên đã may, có sao lại dủi?
Nghĩ nguồn-cơn dở-dối sao dang!
Vi đâu nên nổi dở-dang?
Nghĩ mình, mình lại nên thương nỗi mình!
Chộm nhớ thừa gây hình tạo-hoá,
Về phù-dung một đoá khoe tươi; 10
Nhị hoa chưa mím miệng cười,
Gâm nằng *Ban** đã nhạt mùi thu-dong!
Áng đào-kiếm đem bông nào chúng,
Khoé thu-ba dọn sóng khuinh-thành!
Bóng hương lập-ló chong mảnh,
Cỏ cây cũng muồn nỗi tình mây mưa!
Chim đáy nước, cá lừ-dừ lặn!
Lừng da dờ, nhạt ngân-ngờ sa!
Hương dờ, đắm nguyệt say hoa,

*Tây-Thi** mặt via! *Hồng-Nga** dật mình! 20

Câu cảm-tú, đàn anh họ *Lí**!

Nét dan-thanh, bậc chị chàng *Vương**!

Cờ tiên diệu thánh, ai đang?

*Lưu-Linh** *Đê-Thích** là làng chi-âm!

Cắm diêm nguyệt, phỏng tấm *Tu-Mã**!

Phú lấu thu, là gã *Tiêu-lang**!

Dấu mà tay múa, miệng dang,

Thiên-tiên cũng ngảnh *Nghê-thường** chong dăng!

Tài-sắc đã vang-lừng chong nước,

Bướm ong càng sao-sắc ngoài hiên; 30

Tai nghe nhưng mắt chưa nhìn,

*Bệnh Tế-Tuyên** đã nổi lên ùng-ùng!

Hoa suân nọ, còn phong non nhị;

Nguyệt thu kia, chưa hé hàn quang.

Hồng-lâu còn khoá then sương,

Thâm-khuê còn đậm mùi hương khuinh-thành!

Làng cung-kiêm đắp-danh bản sê*,

Khách công-hầu ngấp-nghe mong sao;

Vườn suân, bướm hầy còn dào;

Thầy hoa mà chẳng lòi vào tìm hương. 40

Gan chẳng đá, khôn đường khá chuyễn,

Mặt phàm kia, dễ dên *Thiên-thai**;

Hương đời sá động chán-ai,

Dấu vàng nghìn lạng, dễ cười một khi!

- II -

Gẫm nhân-sự có chi da thề?

Sợ sích-thắng* chi dễ vương chân!

Vắt tay nắm nghĩ cơ chân,

Nước dương muôn dầy nguội dẫn lừa duyên.

Kìa! thê-cục như in dặc mộng!

Máy huyền-vi mở đóng khôn lường! 50

Về chi ăn-uông sự thường,

Cũng còn tiền định khá thương, lộ là!

Đòi những kẻ thiên ma bách chiết,

Hình thì còn, bụng chêt đòi nau!

Thảo nào khi mới chôn đau,

Đã mang tiếng khóc ban đầu mà da!

Khóc vì nỗi thiết-tha sự thê,

Ai bấy chò bãi bể nướng dầu!

Chẳng dăng đèn thừa bạc dầu,

Tử-sinh kinh-cụ, làm nau mây lẩn! 60

Quốc thành bại hấu cần mái tóc,

Lớp cùng thông như đúc buống gan.

Bệnh chấn dòi đoạn tâm can,

Lừa cơ dốt duột, dao hán cắt da!

Gót danh-lợi bôn-ba sắc sạm,

Mặt phong-chấn nắng dấm mùi dầu!

Nghĩ thân phù-thê mà đau,
Bọt chong bề khô, bèo dẫu bền mê !
Mùi tục-vị, lưôi tề tân-khô,
Đường thê-dố, gót đổ ki-khu ! 70
Sóng cồn cửa bề nhập-nhô,
Chiếc thuyền bảo-ảnh * thập-tho mặt ghénh.
Chè tạo-hoá dột chanh quá ngán,
Dất-diu người lên cạn mà chơi !
Lò cừ * nung-nâu sự đời,
Bức chanh vân-cầu *, vẽ người tang-thương * !
Đến vũ-sạ dện dăng cửa môm,
Thú ca-lâu dề khóc canh dài ;
Đật bằng bống đập chông-gai,
Ai đem nhân-ảnh, duộm mùi tá-dương ! 80
Mối phú-quí dừ làng sa-mã,
Bả vinh-hoa lừa gã còng-khanh ;
Đặc nam-kha * khéo bắt bình,
Bưng con mắt dầy, thầy mình tay không !
Sân đảo-lí, mưa lổng man-mác,
Nén đỉnh-chung, nguyệt gác mơ-màng !
Cánh bướm bề hoạn * mệnh-mang,
Cái phong-ba, khéo cột phường lợi-danh !
Quyển hoạ-phúc, dời chanh mật cả,
Món tiện-nghi chẳng dả phẩn ai ! 90
Cái quay, búng sắn chên đời,

Mờ-mờ nhân-ảnh như người di đêm;
Hình mộc thạch, vàng kim ô cổ,
Sắc cảm ngư, ô vũ e phong!
Tiêu-diêu nhân-sự đã song,
Sơn-hà cũng ảo, côn-chùng cũng hư!
Cầu thế-thuỷ ngói chơ cổ-độ,
Quán thu-phong đứng dũ tà-huy!
Phong-chấn dên cả sơn Khê!
Tang-thương* dên cả hoa kia cổ này! 100
Tuống ảo-hoá đã bấy da đây,
Kiếp phù-sinh chông thầy mà đau;
Chăm năm còn có chi đầu!
Chẳng qua một năm cổ-khâu di-di!
Mùi tục-luy nhường kia cay-đắng,
Vui chi mà đeo-đẳng chấn-duyên!
Cái hương nhân-sự chiến-chiến;
Liệu thân này mây cơ thuyền phải nao?
Ngày mượn thú tiêu-dao cửa phật,
Mỗi thật-tinh quyết dứt cho song. 110
Đa mang chi nữa dèo bóng!
Vui chi thế-sự, mà mong nhân-tinh!
Lây đó mát dăng thanh kết nghĩa,
Mượn hoa đàm* duộc tuệ* làm duyên;
Thoát chấn một gót thiên-nhiên,
Cái thân ngoại-vật, là tiên chong đời!

- III -

Ý cũng đắp da ngoài đảo-chú*,
Quyết lộn vòng phu phụ cho cam!
Ai ngờ đời chẳng cho làm!
Quyết đem dây thắm* mà dam bông đảo*! 120
Hắn tức-chương làm sao dây tá?
Hay tiên-nhân hậu-quả sưa kia?
Hay thiên-cung có diều di?
Suồng chán mà dả nợ di cho đối!
Kia! diều-thú là loài vạ-vật!
Dẫu vô chi cũng bắt dèo-bóng!
Có âm dương, có vợ chồng,
Dẫu từ thiên địa cũng vòng phu thê;
Đường tác-hợp*, đời kia dun-dùi,
Lột làm sao cho khỏi nhân-tình! 130
Thôi thôi! ngảnh mặt làm thình,
Thử xem con tạo deo mình nơi nao!
Tay *Nguyệt-lão** khờ sao có một,
Bỗng tơ tình vương gót cung-phi!
Cái đêm hôm ấy đêm di?
Bóng dương lóng bóng chà-mi chập-chùng.
Liều thược-dược* mơ-mòng thụy-vũ,
Đoá hải-đường* thức ngủ suân-tiêu.

Cảnh suân hoa chúm-chím chào,
Đỏ đông thôi đã cọt đào gheo mai! 140
Siêm nghề nọ, tả-toi chước đó,
Áo vũ kia, lập-lô chong dăng;
Sinh ca mây khúc vang-lừng,
Cái thân *Tây-tử** lên chùng điện *Tô**.
Đệm hồng-thúy, thơm-tho mùi sạ,
Bóng bội-hoàn lập-ló dăng thanh,
Mây mưa mây dọt chung-tinh,
Đình chắm, suân-khoá một cảnh mẩu-dan;
Gảy khúc phượng cung đàn thúy-dịch;
Dù-di ngậm ngọn dịch đàn-chì*. 150
Càng đàn càng dịch càng mê,
Càng gay-gắt điệu, càng tê-tái lòng.
Mây ngải lẩn mặt đồng lổ-lộ,
Sấp song-song đôi nò nhân-duyên,
Hoa thơm muôn đội ơn chèn,
Cam công mang tiếng thuyền-quyên mây dời!
Chên Chín-bệ mặt dời gang tặc,
Chữ *suân* diêng sớm chực chưa châu.
Phải duyên hương lửa cùng nhau,
Se dề* lọ dắc lá dàu mới vào. 160
Khi áp mạn ôm đào gác nguyệt,
Lúc cười srong cọt tuyết đến phong,
Đoá lê ngon mắt Cửu-chùng,

Tuy máy diêm nhạt, nhưng lòng cũng siêu ;
Về vu-vật* chăm chiếu đũa-đón.
Lòng quân-vương chi-chút chên tay ;
Má hồng không thuộc mà say,
Nước kia muôn đò, thành này muôn long.
Vườn *Thanh-uyển** khúc chùng thanh-dạ,
Gác *Lâm-suân** điệu ngã đình-hoa, 170
Thừa ân một đóc lại tà,
Tỏ mờ nét ngọc, lập-loà về son,
Chong chướng găm chí-tôn vôi-vọi,
Nhưng khi nào gán-gụi quân-vương ;
Dẫu mà ai có nghìn vàng,
Đồ ai mua được một chàng mộng suân !
Thôi cười nọ, lại nhả máy liễu,
Gheo hoa kia lại điệu gót sen*,
Thân này uôn-éo vi duyên,
Cũng cam một tiếng thuyền-quyên mây người. 180
Lan mây đoá lạc loài sơn dã,
Uồng mùi hương vương-dã* nhiều thay !
Gắm như cân chắt duyên này,
Cam công đặt cái khăn này tặc-ơ !
Chanh tị-dực, nhìn ưạ chim nọ,
Đổ liên-chi, lán chỗ hoa kia,
Chữ đồng lây đây làm ghi,
Mượn nhời thật-tịch*, mà thể bách niên.

Hạt mưa đã lợt miễn dài-các,
Những mừng thấm cá nước duyên may! 190
Càng lâu càng lắm mùi hay,
Cho cam công kẻ dúng tay thùng chàm.

- IV -

Ai ngờ bỗng một năm một nhạt,
Nguồn-cơn kia, chẳng tát mà voi!
Suy đi đâu biết cơ đời,
Bỗng không mà hoá da người vị-vong!
Đuộc vương-dã chí công là thê,
Chẳng soi cho đèn khoe âm-nhai!
Muôn hồng nghìn tia đua tươi,
Chúa suân nhìn hái một hai bông gấn. 200
Vôn đã biết cái thân câu-chợ,
Cá no mới cũng khó dừ nên!
Ngán thay cái én ba nghìn,
Một cây cù-mộc biết chen cảnh nào?
Song đã cạy má đào chon-chót,
Hắn duyên tươi phạm tốt hơn người.
Nào hay con Tào chêu người,
Hang sâu chút hé mặt đời lại dâm!
Chong cung-quê, âm-thấm chiềc bóng,
Đêm năm canh, chông ngóng lán-lán, 210

Khoảnh làm chi mây chúa-suân !
Chơi hoa cho dữa nhị dần lại thôi !
Lầu dãi-nguyệt, đứng ngồi dạ-vũ,
Gác thừa-lương, thức ngủ thu-phong,
Phông tiêu* lạnh ngắt như đồng,
Hương loan bẻ nửa, dải đồng sé dôi;
Chiếu ủ-dột, dặc mai chưa sớm,
Vẻ bàng-khuàng, hỗn bướm vẩn-vơ,
Thâm-khuê vắng ngắt như tờ,
Cửa châu dó lọt, dèm ngà srong deo, 220
Ngân phượng-liễn*, từng dêu lỗ-chổ,
Dầu dương-sa*, dảm cỏ quanh co ;
Lầu *Tán* chiếu nhạt vẻ thu,
Gôi loan tuyết đóng, chặn củ đá đồng.
Ngày sáu khắc, tin mong nhận lặng,
Đêm năm canh, tiếng vắng chuông chiến,
Lạnh-lùng thay, dặc cô miên,
Mùi hương tịch-mịch, bóng đèn thâm u !
Chanh biềng ngấm chong dổ tô-nữ,
Mắt buồn chông chên cửa nghiêm-lầu. 230
Một mình đứng tủi ngồi sầu,
Đã than mây nguyệt, lại dẫu mây hoa !
Buồn mọi nỗi lòng đã khắc-khoài,
Ngán chắm chiếu bước lại ngân-ngờ !
Hoa này bướm nữ thờ-ơ,

Đề gậy bông thắm, đề sơ nhị vàng !

Đêm năm canh, lán nường vách quê,

Cái buồn này ai đề diết nhau !

Diết nhau chẳng cái lưu-cầu* !

Diết nhau bằng cái u-sầu độc chưa ? 240

Tay *Nguyệt-lão** , hư sao chẳng chớ !

Se thề này có dỡ hay không ?

Đang tay muốn dứt tơ* hồng,

Bực mình muốn đập tiêu-phòng* mà da !

Nào lúc dạo vườn hoa năm ngoái,

Đoá hồng-đào hái buổi còn sanh,

Chên gác phượng, dưới lầu oanh,

Gồi du-tiên hãy dành-dành song-song.

Bây dờ đã da lòng duồng-dẫy !

Đề thân này, cò áy tơ mảnh, 250

Đông-quân sao khéo bắt tình,

Cảnh hoa tàn nguyệt, bực mình hoài suân !

Nào lúc tựa lầu *Tấn* hôm nọ,

Cảnh liễu mảnh, bề thừa dương tơ ;

Khi chướng ngọc, lúc dèm ngà,

Mảnh suân-y hãy sờ-sờ đầu in.

Bây dờ đã da lòng duồng-dẫy !

Đề thân này, nước chảy hoa chồi !

*Dữu-công** sao khéo chêu ngươi ?

Bóng đèn tà-nguyệt, dờ mùi kí-sinh ! 260

Cảnh hoa lạc nguyệt minh nhường ấy,
Lửa hoàng-hôn như cháy tâm son,
Hoàng-hôn thôi lại hôn-hoàng!
Nguyệt-hoa thôi lại thêm buồn nguyệt-hoa!
Buồn vì nổi nguyệt tà, ai chong!
Buồn vì điệu hoa dụng, ai nhìn!
Tình buồn cảnh lại vô duyên,
Tình chong cảnh ấy, cảnh bên tình này.
Khi chận dó lung-lay cạnh vách,
Nghe di-dám dề mách ngoài sa; 270
Mơ-hổ nghĩ tiếng se da,
Đột phong hương tạ, mà hơ áo tòn.
Ai ngờ tiếng dề dan di-dĩ!
Dụng bi thu gọi kẻ cô-phòng!
Vắng tanh nào thầy vãn mòng!
Hơi thê-lương, lạnh-lẻo song phi-huinh.
Khi bóng thỏ chành-vênh chước ôc,
Nghe vang-lừng tiếng dục bên tai;
Đề chừng nghĩ tiếng ban dòi,
Nghiêng bình phân mộc mà đối má deo. 280
Ai ngờ tiếng quyen kêu da-dả!
Điệu thương sườn khóc ả sương-khuê!
Lạnh-lùng nào thầy ồ-ê!
Khí bi thương sực-nức hê lạc-hoa.
Tiếng thủy-diện, cười dả da gắt,

Mùi quyền-môn thắm dất nên phai;
Nghĩ nên tiếng cửa quyền ôi,
Về thông-thả lại cũng thôi một đời.

- V -

Vi sớm biết lòng đời deo-dắng,
Dấu thuê tiền cũng chẳng buồn tên, 290
Nghĩ mình lại ngán cho mình,
Cái hoa đã chót deo cảnh biết sao!
Miếng cao-lương phong-lưu nhưng lạ;
Mùi hoặc-lê thanh-dạm mà ngon,
Cùng nhau một dặc hành-môn,
Lâu-lâu dúi-dít cò con cũng tình.
Mình có biết phận mình da thê,
Dãi kiệt điều oè-oẹ làm chi?
Thà dẳng cục-kịch nhà-quê!
Dấu lòng nũng-nịu nguyệt kia hoa này; 300
Chiếu tịch-mịch, đã gấy bóng thỏ,
Về tiêu-tao lại, võ hoa đèn,
Muôn đem ca tiêu dãi phiến,
Cười nên tiếng khóc, hát nên động sáu,
Ngon tâm-hoả dốt dấu nét liễu;
Dọt hồng-băng thắm áo làn son,
Dơ buồn dên cảnh con-con,

Chè chuyên nước nhât, hương đùn khói đôi.

Chong gang tắc mặt đời sa mây,

Phận hẩm-hiu nương ày vì đầu ! 310

Sinh li đòi dật thời *Ngâu**,

Một năm còn thầy mặt nhau một lần.

Huồng chi cũng lạp phần son phần !

Luồng năm-năm chực phận phòng không !

Khéo vô duyên mây *Cử-u*-chùng !

Thắm nào duộm lại tơ* hổng cho tươi !

Vườn *Thương-uyển* hoa cười mây nắng,

Lôi di về ai chẳng chiếu ong ?

Duênh nhâm một dải nông-nông,

Bóng dương bên ày, đứng chông bên này; 320

Tình dẫu-dĩ làm khuấy nhĩ mục,

Ban phòng không như dục mây mưa ;

Dào chiêm-bao những đêm sưa,

Dọt mưa *cửu-hạn* còn mơ đèn dấy.

Chên *Chín-bệ* có hay chặn nhẽ,

Khách quán-thoa mà để lạnh-lùng ?

Thù nhau du, hỡi *dông-phong*,

Góc vườn dải nắng cảm bông hoa đào ;

Tay *Tạo-hoá* có sao mà độc !

Buộc người vào *kim-ôc** mà chơi ! 330

Chông tay ngồi ngẩn sự đời,

Muôn kêu một tiếng cho dài kéo cảm !

Nơi lạnh-lẻo, nơi chằm gấn-gận,
Há phai son, nhạt phân du mà!
Chêu người chi mây dăng-dà*?
Sao con chỉ thắm mà da tơ mảnh?
Lòng ngán-ngảm buồn tênh mọi nỗi,
Khúc sáu-chàng bồi-dồi nhường tơ;
Ngọn đèn phòng động đêm sưa,
Chùm hoa tịnh-đê chơ-chơ chửa tàn; 340
Mà lượng thánh đa đoan kíp mây,
Bồng da lòng dún-dẩy vì dầu!
Bõ dả tổ nỗi sưa sau,
Chẳng đem nỗi ấy mà tâu ngự cùng!
Đêm phong-vũ lạnh-lùng có một,
Dọt ba-tiêu thánh-thót cấm canh;
Bên tường thấp-thoảng bóng huỳnh,
Vách sương nghi-ngút, đèn sanh lờ-mờ.
Mắt chẳng nhấp, đồng-hồ sao cạn?
Cảnh tiêu-diêu ngao-ngán nhường bao! 350
Buồn này mới gọi buồn sao,
Một đêm nhớ cảnh biết bao nhiêu tình!
Bóng câu thoảng bên mảnh mây nỗi,
Những hương sáu phân tui cho song!
Phòng khi động đèn Cừu-chùng,
Dữ sao cho được má hồng như sưa! 356

MỤC-LỤC

- I. - Ông Dời cứ hay đem chữ phận bạc gheo khách má hồng, để người ta phải oán-thán! Mình là người con gái, sắc thì : tươi như hoa, đẹp như găm ; tài thì : thơ liền anh Lí-Bạch, vẽ liền chị Vương-Duy, đàn dạo Trương-Như, cờ ngang Đè-thích. Từ quan cho đến dân, ai nghe tiếng cũng muốn ngáp-nghé! Sở mình về sau chẳng cũng vui lắm ư! 7
- II. - Thè nhưng mà nghĩ quốc đời như đặc chiêm-bao : Hễ muốn được vinh-hoa phú-quí, thì phải lo ngày liệu đêm, thức khuya dậy sớm, mưu lừa chước lọc, mà thịnh suy cũng chẳng mảy lúc! Thà dằng nương cảnh Phật tu-hành, để thông-thả cái thân, không lo-lắng việc đời chi nữa cho song! 9
- III.-Nào ngờ, người có tài-sắc, ai dễ cho ở không ? Lại phải kén vào làm Cung-phi, hương sông sạ ướp, sớm chực chưa châu, cung đàn tiếng địch, gọi phượng chần loan, tưởng mình là phận gái mà được sánh mảy vua-chúa, cũng đã cam tiếng tài-sắc ở đời! 12

TABLE ANALYTIQUE

- I. - Dieu semble prendre plaisir à éprouver les jolies femmes en les dotant d'un sort si fragile qu'elles en sont constamment réduites à murmurer et à gémir ! Je suis une jeune femme qui, au point de vue de la beauté, est fraîche comme une fleur et belle comme du brocart. Sous le rapport des talents, je puis me dire l'aînée de *Li-Bach* en poésie, et de *Vuong-Duy* pour la peinture ; comme musicienne je rivalise avec *Twong-Nhu*, au jeu d'échecs je suis l'égale de *Dê-thích*. Du mandarin à l'homme du peuple, tous ceux auxquels parvient le bruit de ma réputation souhaitent me faire leur cour ! L'avenir peut-il me sourire davantage ! 7
- II. -Et cependant, lorsque j'y réfléchis, la trame de la vie ressemble à un rêve : Que l'on aspire à la satisfaction de toutes les jouissances, à la fortune ou aux honneurs, il faut se livrer jour et nuit aux soucis, veiller tard et se lever tôt, accumuler ruses sur expédients, et que l'on prospère ou que l'on décline, à peine est-ce l'espace de quelques instants ! Ne vaut-il pas mieux me réfugier dans un site bouddhique et me faire religieuse, afin de laisser à mon corps quelque repos et en finir ainsi avec les tracasseries de l'existence ! 9
- III. - Mais quelle illusion que la mienne ! Un être doué de talents et de beauté, qui le laisserait dans la solitude ! De plus me voilà élevée au rang d'odalisque, m'arrosant d'encens et de parfums, attendant dès le matin les ordres du roi, lui tenant compagnie aux sons des guitares et des flûtes jusqu'à une heure avancée de la journée, admise à l'honneur de partager l'auguste couche⁽¹⁾, fondée à croire enfin que bien qu'une femme il m'est permis de me comparer aux plus grands seigneurs, et que c'est là, en cette vie, le juste prix de mes talents et de ma beauté ! 12

(1) Litt. : L'oreiller au phénix et la couverture au phénix azuré.

IV.- Biệt dâu dối sau vua ham những dứa lẽ-mọn -
tô son dối phàn, nhời đẫy mắt dứa, để cho mình
phải chẵn đơn gỏi chiềc, cửa mốc sân dêu, không
nhìn-nhō ò-ê đi dền! 15

V.-Thầy như thè thi chà muồn nghĩ sự chống
con chi nữa! Đền bao dờ vua lại có lòng nghĩ
lại, thì dũ làm sao cho được môi son má hồng
như chước! 19



IV.- Pouvai-je prévoir que le prince s'éprendrait ensuite
de viles concubines aux attraits de carmin et de fard,
au langage et à l'œil sans cesse approbateurs! De
sorte que ma couche est devenue solitaire, ma porte
se couvre de moisissures, ma cour est envahie par
la mousse, le souverain ne daigne même plus me
faire l'aumône d'un regard ou d'une parole! 15

V.- S'il en est ainsi, je ne saurais plus guère songer aux
joies d'épouse et de mère! Quand donc le roi aura-t-il
le cœur de faire un retour sur lui-même, et comment
aurai-je pu conserver jusque là mes lèvres purpu-
rines et mes joues roses d'entan! 19



TA CŨNG CÓ LÀM NHỮNG SÁCH NÀY

Dạy các ông Đại-pháp

TIẾNG AN-NAM

- QUANG TẬP VIÊM VẤN 文炎集廣 3, 00
 ĐÀO NAM ÂM DAI MÔ THỨC 式模階音南教 3, 00
 CHỮ NHỎ
 NHỊ BÁCH THẬP TỬ BỘ HÁN 漢部四十百二 0, 25
 TỰ ĐỒ BẢN 版圖字
 NHỊ BÁCH THẬP TỬ BỘ HÁN 漢部四十百二 0, 40
 TỰ TIỂU BIÊN 編小字
 NHỊ BÁCH THẬP TỬ BỘ HÁN 漢部四十百二 0, 40
 TỰ TẬP ĐỒ 圖習字
 TẬP HÁN TỰ THỨC 6 quyển 式字漢習 (1 quyển) 0, 20
 CHU-BẮC-LƯU-DA HUÂN TẬP ĐỒ 圖習訓家廬柏朱 0, 20
 HOA VĂN TỰ VỊ TOÀN YÊU— | | 要纂彙字文華 0, 80

Dạy người An-nam

- THIÊN TỰ DÀI ÂM CA 歌音解字千 0, 70
 THIÊN TỰ DÀI ÂM CA TẬP ĐỒ 圖習歌音解字千 0, 20
 KIM VĂN KIỂU TÂN CHUYỆN 傳新翹雲金 0, 60
 PHƯƠNG DIỄN ÂM CA 歌音演方醫 0, 40
 NGUYỄN CHẠI DA HUÂN CA | 訓家廬阮 0, 20
 PHAN CHÂN CHUYỆN 傳陳潘 0, 30
 CUNG OÁN NGÂM KHỨC 曲吟怨宮 0, 20

(Bán tại nhà ở Huế; lại gửi bán ở hàng ông E. Schneider Aîné, ở Hà-nội mây Hải-phòng; hàng ông Brunet ở Sài-gòn; mây hàng ông Challamel ở thành Paris).

How

230

WINGO BOOKS
3907 W Street N.W.
Washington 7, D.C.

DU MÊME AUTEUR

A l'usage des Européens

plus spécialement.

(Port
en sus)

Langue annamite

CHRESTOMATHIE ANNAMITE (In-8° de XXIV-312 p.).. 3, 00

MÉTHODE DE LANGUE ANNAMITE (En souscription,
XXXVI-94 p. parues)..... 3, 00

Langue chinoise écrite

CHRESTOMATHIE SINO-ANNAMITE (Sous presse).

LES 214 RADICAUX CHINOIS (Tableau)..... 0, 25

— — (Brochure in-32)..... 0, 50

— — (Modèle d'écriture)..... 0, 40

MÉTHODE D'ÉCRITURE CHINOISE EN 6 CAHIERS *Chacun*, 0, 20

APPENDICE À NOTRE DICTIONNAIRE CHINOIS-ANNA-
MITE-FRANÇAIS (Modèle d'écriture)..... 0, 80

INSTRUCTIONS FAMILIALES DU PROFESSEUR CHU-BA-
LU (Modèle d'écriture)..... 0, 20

A l'usage des indigènes

plus spécialement.

PETIT VOCABULAIRE CHINOIS-ANNAMITE-FRANÇAIS.. 0, 70

APPENDICE AU PRÉCÉDENT (Modèle d'écriture)..... 0, 20

NOUVELLE HISTOIRE DE KIM, VÂN, ET KIÉU..... 0, 60

MANUEL VERSIFIÉ DE MÉDECINE ANNAMITE..... 0, 40

INSTRUCTIONS FAMILIALES DE NGUYÊN-CHAI..... 0, 20

LES FAMILLES PHAN ET CHÂN..... 0, 30

L'ODALISQUE MÉCONTENTE (CUNG-OÂN)..... 0, 20

(En vente à Hanoi et Haiphong chez E. SCHNEIDER Aîné;
à Saigon chez BRUNET; et à Paris chez CHALLAMEL).

On peut également s'adresser chez l'auteur, à Hué, en joignant
à la commande sa valeur en mandat postal. En ce cas, prière
de se borner à la commande pure et simple, l'auteur n'ayant
pas le loisir de répondre.

Cette liste annule les précédentes.

1

1

1901

1902

1903

1904

1905



80008

